| | |
|---|---|
| **TÒA ÁN NHÂN DÂN**<br>**TỈNH HẢI DƯƠNG** | **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**<br>**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc** |

Bản án số: 115/2025/HNGĐ-ST
Ngày: 17/03/2025
*"V/v Ly hôn, tranh chấp về nuôi con"*

**NHÂN DANH**
**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH HẢI DƯƠNG**

***- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:***
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa*:* Bà Vũ Thị Yến.
Các hội thẩm nhân dân: Bà Dương Thị Kim Hồng
Bà Nguyễn Thị Bích Liên

***- Thư ký phiên tòa:*** Bà Đinh Thị Thu - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Hải Dương.

***- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Hải Dương tham gia phiên tòa:*** Bà Phạm Thị Quyên- Kiểm sát viên.

Ngày 17 tháng 03 năm 2025 tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Hải Dương xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số 652/2024/TLST-HNGĐ ngày 29 tháng 11 năm 2024 về việc ly hôn, tranh chấp về nuôi con, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 73/2025/QĐXXST-HNGĐ ngày 07/2/2025; Quyết định hoãn phiên tòa số 50/2025/QĐST-HNGĐ ngày 24/2/2025 giữa:

- *Nguyên đơn*: Chị **Lê Thị L**, sinh năm 2002;

Địa chỉ: Thôn Q, xã L, thành phố H, tỉnh Hải Dương

Người được chị L ủy quyền giao nhận văn bản tố tụng: Ông Nguyễn Thanh H, sinh năm 1979; địa chỉ: Khu A, T, thành phố H, tỉnh Hải Dương.

- *Bị đơn*: Anh **Nguyễn Văn T**, sinh năm 1996

Địa chỉ trước khi xuất cảnh: Thôn Đ, xã P, huyện T, tỉnh Hải Dương. Nơi cư trú hiện nay: Đài Loan

*(Chị L có quan điểm đề nghị giải quyết vắng mặt; anh T được triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt)*

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

*- Theo đơn xin ly hôn, bản tự khai, giấy ủy quyền, đơn đề nghị giải quyết vắng mặt - Nguyên đơn chị Lê Thị L trình bầy:*

Chị và anh Nguyễn Văn T được tự do tìm hiểu, tự nguyện đăng ký kết hôn ngày 13/12/2021 tại UBND xã P, huyện T, tỉnh Hải Dương. Sau khi kết hôn vợ chồng sống hạnh phúc đến năm 2022 anh T đi lao động tại Đài Loan, năm 2023 vợ chồng phát sinh mâu thuẫn nguyên nhân mâu thuẫn do bất đồng quan điểm, mỗi lần anh T điện thoại về vợ chồng lại cãi vã. Đến năm 2024 chị đưa con về nhà ngoại sinh sống, vợ chồng không liên lạc, quan tâm nhau. Đến nay chị nhận thấy mâu thuẫn đã rất trầm trọng, vợ chồng không thể tiếp tục chung

sống cùng nhau được nữa nên đề nghị Tòa án nhân dân tỉnh Hải Dương giải quyết cho chị được ly hôn anh T.

Về con chung: Vợ chồng có 01 con chung là Nguyễn Gia B, sinh ngày 07/8/2022, hiện con đang sống cùng chị. Nếu ly hôn chị đề nghị Tòa án giao con cho chị chăm sóc và nuôi dưỡng cho đến khi con trưởng thành. Về cấp dưỡng nuôi con, chị không yêu cầu anh Trung cấp D nuôi con.

Về tài sản chung: Chị L không yêu cầu Tòa án giải quyết về tài sản, công nợ chung.

Về án phí: Chị L tự nguyện chịu án phí theo quy định của pháp luật.

- Do nguyên đơn chị L không cung cấp được địa chỉ của anh T tại Đài Loan. Tòa án tiến hành xác minh tại gia đình anh T, với mẹ anh T là bà Phạm Thị Á, bà Á xác định: Bà là mẹ đẻ của anh Nguyễn Văn T, về điều kiện kết hôn giữa anh T và chị L như chị L trình bày là đúng. Mâu thuẫn vợ chồng như chị L trình bày là đúng; bà không biết vì lý do gì đến cuối năm 2023 chị L và anh T mâu thuẫn, bất đồng quan điểm, không chuyện trò cùng nhau; đến năm 2024, chị L xin phép bà đưa con về ngoại sinh sống, từ đó đến nay không về nhà; thông qua gia đình anh T có quan điểm, vợ chồng cãi vã và ly thân thời gian dài, nay chị L xin ly hôn anh cũng nhất trí. Bà đồng ý nhận các văn bản tố tụng của Tòa án và đã thông báo cho anh T biết.

Hiện anh T không có địa chỉ cụ thể tại Đài Loan nên bà không cung cấp cho Tòa án được. Bà đề nghị Tòa án tống đạt văn bản tố tụng cho anh T thông qua bà, bà sẽ thông báo cho anh T được biết.

Về con chung: Anh T và chị L có 01 con chung là Nguyễn Gia B, sinh ngày 07/8/2022, hiện cháu đang sống cùng chị L; hiện anh T đang lao động ở nước ngoài nên không có điều kiện để chăm sóc con chung, bà và anh T đồng ý giao con cho chị L chăm sóc và nuôi dưỡng trong thời gian anh T không có mặt tại Việt Nam.

Về tài sản, công nợ chung: Anh T và chị L không có tài sản, công nợ chung.

Tại phiên tòa:

- Các đương sự đều vắng mặt, có đề nghị xét xử vắng mặt

- Quan điểm của đại diện VKSND tỉnh Hải Dương: Thẩm phán, Hội thẩm nhân dân, Thư ký phiên tòa, người tham gia tố tụng chấp hành đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Về việc giải quyết vụ án: đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng Điều 56, 58, 81, 82, 83 và 84 Luật Hôn nhân và gia đình; Điều 147, Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; Luật phí và lệ phí; Nghị quyết số 326/QH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu án phí, lệ phí Tòa án; Đề nghị xử cho chị L được ly hôn anh T; giao con chung Nguyễn Gia B, sinh ngày 07/8/2022 cho chị L trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng đến khi trưởng thành; chấp nhận sự tự nguyện của chị L không yêu cầu anh Trung cấp D nuôi con, chị L phải chịu 300.000 đồng án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm (đã nộp).

## NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

*Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và xem xét ý kiến của các đương sự, quan điểm của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Hải Dương, Hội đồng xét xử nhận định:*

[1.1] Bị đơn anh Nguyễn Văn T hiện đang sinh sống và làm việc Đài Loan; nơi cư trú trước khi xuất cảnh tại: Xã P, huyện T, tỉnh Hải Dương. Căn cứ theo quy định tại khoản 3 Điều 35, điểm b khoản 1 Điều 37 của Bộ luật Tố tụng dân sự thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân tỉnh Hải Dương.

[1.2] Tại phiên tòa, chị L vắng mặt, có đơn và quan điểm đề nghị xét xử vắng mặt, anh T được triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt do vậy, căn cứ Điều 227 và Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt các đương sự theo quy định của pháp luật.

[2] Về nội dung:

[2.1] *Về quan hệ hôn nhân:* Chị L và anh T được tự do tìm hiểu, tự nguyện đăng ký kết hôn ngày 13/12/2021 tại UBND xã P, huyện T, tỉnh Hải Dương nên là quan hệ hôn nhân hợp pháp.

Chị L cho rằng vợ chồng mâu thuẫn, ly thân từ năm 2023, không liên lạc, hỏi han và quan tâm đến nhau, do vậy chị đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn anh T. Thông qua gia đình, anh T có quan điểm xác định mâu thuẫn vợ chồng từ năm 2023, đến năm 2024 chị L đưa con về nhà ngoại sinh sống, chị L xin ly hôn anh nhất trí. Xét thấy, mâu thuẫn giữa anh chị đã trầm trọng, anh chị không còn yêu thương, quan tâm, chia sẻ, giúp đỡ nhau trong cuộc sống, mục đích hôn nhân không đạt được, nên cần chấp nhận cho chị L được ly hôn anh T là phù hợp với quy định tại Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình.

[2.2] *Về quan hệ con chung:* Chị L và anh T có 01 con chung là Nguyễn Gia B, sinh ngày 07/8/2022, hiện cháu đang sống cùng chị L. Chị L có quan điểm đề nghị giao cho chị được nuôi con chung vì hiện nay anh T đang lao động tại Đài Loan nên không có đủ điều kiện để nuôi con. Thông qua gia đình, anh T có quan điểm đồng ý giao con cho chị L chăm sóc và nuôi dưỡng vì anh không có mặt tại Việt Nam. Do vậy, có căn cứ chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị L, giao con Nguyễn Gia B cho chị L tiếp tục chăm sóc và nuôi dưỡng.

*Về cấp dưỡng nuôi con:* Chị L tự nguyện không yêu cầu anh Trung cấp D nuôi con. Xét thấy, sự tự nguyện của chị L là phù hợp pháp luật nên cần chấp nhận sự tự nguyện của chị L.

[2.3] *Về tài sản chung, nợ chung*: Các đương sự không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

[3] Về án phí: Chị L phải chịu án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm theo quy định của pháp luật

*Vì những lẽ trên,*

**QUYẾT ĐỊNH:**

Áp dụng Điều 56, 58, 81, 82, 83 và 84 Luật Hôn nhân và gia đình; Điều 147, Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; Luật phí và lệ phí; Nghị quyết số 326/QH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu án phí, lệ phí Tòa án. Xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Xử cho chị Lê Thị L được ly hôn anh Nguyễn Văn T

2. Về quan hệ con chung: Giao con Nguyễn Gia B, sinh ngày 07/8/2022 cho chị Lê Thị L chăm sóc, nuôi dưỡng cho đến khi con chung tròn 18 tuổi. Chấp nhận sự tự nguyện của chị L về việc không yêu cầu anh Trung cấp D nuôi con.

*Anh Nguyễn Văn T được quyền thăm nom, chăm sóc con chung, không ai được cản trở.*

3. Về án phí: Chị L phải chịu 300.000 đồng (*ba trăm nghìn đồng*) án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm; đối trừ số tiền tạm ứng án phí 300.000đ *(ba trăm nghìn đồng)* theo biên lai thu số 0005381 ngày 29 tháng 11 năm 2024 của Cục thi hành án dân sự tỉnh Hải Dương. Chị L đã nộp đủ án phí.

4. Về quyền kháng cáo: Chị L được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định pháp luật.

Anh T được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 30 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định pháp luật.

***Nơi nhận:***
- *VKSND tỉnh Hải Dương;*
- *Các đương sự;*
- *Cục THADS tỉnh Hải Dương;*
- *UBND xã Phạm Kha, huyện Thanh Miện;*
- *Lưu hồ sơ.*

**TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM**
**Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa**

**Vũ Thị Yến**